Product Requirements Document

**Sale Manager**

H.VND

Company name

Product Requirements Document

[1. Objective](#_Toc2757373)

[2. Release](#_Toc2757374)

[3. Features](#_Toc2757375)

[4. User flow and design](#_Toc2757376)

[5. Analytics](#_Toc2757377)

[6. Future work](#_Toc2757378)

# Objective

|  |  |
| --- | --- |
| Vision | * Là ứng dụng quản lý bán hàng số 1 tại Việt Nam, thay thế được cách quản lý bán hàng cũ bằng các phương pháp hiện đại thông qua công nghệ mới (Thiết bị điện tử: Điện thoại, máy tính, máy tính bảng...) * Là sản phẩm được nhiều người dùng trong lĩnh vực bán hàng * Được nhiều công ty lớn về lĩnh vực bán hàng hợp tác và phát triển |
| Goals | * Trở thành công cụ không thể thiếu cho việc quản lý bán hàng của các đại lý, tư nhân.v.v (Hơn 50% cá nhân, tư nhân sử dụng) * Sau 1 năm thu hút được khoảng 400 các tư nhân, doanh nghiệp sử dụng * Sau 2 năm sản phẩm được các đối tác bên thứ 3 tích hợp và phát triển hơn * Sau 3 năm sản phẩm mang lại doanh thu khoảng 3 tỷ về cho công ty |
| Initiatives | * Tạo nhanh đơn hàng * Cho phép lựa chọn nhiều hình thức thanh toán * Người dùng có thể xem được thống kế các đơn hàng * Quản lý được quy trình bán hàng |
| Persona(s) | * *Các chủ hoặc nhân viên bán hàng cửa hàng, đại lý*   *Đặc điểm chung:*   * *Có độ tuổi từ 20-35 tuổi* * *Muốn áp dụng CNTT để tăng khả năng bán hàng, tăng thu nhập* * *Có khả năng học thêm kiến thức mới tốt* * *Có kinh tế ở mức trung bình, khá* |

# Release

|  |  |
| --- | --- |
| Release | Quản lý bán hàng |
| Date | 1-11-2020 |
| Initiative | Cho phép người dùng xử lý các tác vụ bán hàng cơ bản |
| Milestones | * *Hoàn thành thiết kế giao diện* * *Hoàn thành thiết kế tính năng* * *Kiểm thử tính năng* |
| Features | * *Tạo đơn hàng* * *Tạo đơn hàng từ người mua hàng online* * *Xuất hóa đơn* * Tự động tính tổng giá trị cần thu và thối lại cho khách hàng * *Hủy đơn hàng* * *Xem danh sách đơn hàng* |

|  |  |
| --- | --- |
| Release | Lưu trữ thông tin bán hàng |
| Date | *31-12-2020* |
| Initiative | *Cho phép người dùng sao lưu các hóa đơn cũ trên cloud* |
| Milestones | * *Hoàn thành tổ chức database cloud* |
| Features | Sao lưu hóa đơn, thống kê doanh thu |

|  |  |
| --- | --- |
| Release | Tích hợp đơn vị vận chuyển |
| Date | *31-12-2020* |
| Initiative | *Hỗ trợ tích hợp đơn vị vận chuyển* |
| Milestones | * *Hoàn thành liên kết với Giaohangtietkiem,lalamove,ninjavan* |
| Features | Liên kết đơn vị vận chuyển |

# Features

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Feature | Description | Purpose | User problem | User value | Assumptions | Not doing | Acceptance criteria |
| 1 | *Tạo đơn hàng* | Cho phép người bán hàng tạo một đơn hàng khi có người mua | Tạo đơn hàng mới | Một nhóm nhỏ người dùng vẫn chưa sử dụng quen các thao tác thêm, xóa nhanh. | Hỗ trợ người dùng thao tác nhanh hơn nếu quen sử dụng | Người dùng: Là người bán hàng muốn tạo đơn bán hàng khi có người mua hàng | Không thể tạo đơn hàng tự động,  Chỉ nhập mã sản phẩm bằng tay chưa có quết mã vạch | Khi người dùng tạo thành công đơn hàng thì sẽ thông báo thành công và lưu lại đơn hàng  Khi người dùng hủy bỏ thao tác tạo đơn hàng thì phải hoàn tác lại các chức năng người dùng đã tạo |
| 2 | *Tạo đơn hàng từ người mua hàng online* | Cho phép người bán hàng tạo một đơn hàng khi có khách mua online | Tạo đơn hàng mới thông qua đơn đặt hàng của người mua hàng | Giao diện vẫn còn rườm rà khó sử dụng | Hỗ trợ người dùng thao tác nhanh hơn nếu quen sử dụng | Người dùng: Là người bán hàng muốn tạo đơn bán hàng khi có người mua hàng online | Không thể tạo đơn hàng tự động,  Chỉ nhập mã sản phẩm bằng tay chưa có quết mã vạch | Khi người dùng tạo thành công đơn hàng thì sẽ thông báo thành công và lưu lại đơn hàng  Khi người dùng hủy bỏ thao tác tạo đơn hàng thì phải hoàn tác lại các chức năng người dùng đã tạo |
| 3 | *Hủy đơn hàng* | Cho phép người bán hàng xóa một đơn hàng khi người mua hủy đơn | Xóa đơn hàng | Không có | Hỗ trỡ người dung thao tác nhanh hơn | Người dung: là người bán hang muốn xóa đơn hang khi khách hang hủy đơn | Không có | Khi người dung xóa thành ông đơn hang hệ thống sẽ báo thành công |
| 4 | *Xuất hóa đơn* | Cho phép người bán hàng xuất hóa đơn giấy cho khách hàng | Xuất hóa đơn của khách hàng | Không có | Hỗ trợ việc xuất đơn hang nhanh chóng | Người dung: là người bán muốn xuất hóa đơn giấy cho khách hàng | Không có | Khi người dung xuất thành copng6 hệ thống sẽ kết nối với máy in để xuất hóa đơn giấy |
| 5 | Tự động tính tổng giá trị cần thu và thối lại cho khách hàng | Tự động tỉnh tổng các món hàng.  Tự động tính số tiền khách hàng đưa dư | Tính tổng số tiền các mặt hàng trong đơn | Thời gian tính toán còn hơi chậm | Các tính toán chuẩn xác giúp người dùng tiết kiệm thời gian kiểm tra lại | Người dung: là người bán hang muốn thống kê giá trị các sản phẩm | Không có | Khi hoàn thành tính thì sẽ thông báo thành công và lưu giá trị vào đơn hàng |
| 6 | Xem danh sách đơn hàng | Xem danh sách các đơn đã được lưu | Người dung có thể dễ dàng kiểm tra lại các đơn hàng | Không có | Giúp người dung không bỏ sót các đơn vì tất cả đơn đều được lưu vào cơ sở dữ liệu | Người dung: là người bán muốn kiểm tra, thống kê các đơn hàng | Bộ lọc đơn vẫn chưa có lọc theo mã hàng | Xuất tất cả đơn đã lưu dựa theo bộ lọc |
| 7 | Sao lưu hóa đơn, thống kê doanh thu | Lưu lại các hóa đơn sau khi thanh toán để thông kê | Lưu lại chi tiết các hóa đơn | Hóa đơn xuất còn hơi khó đọc | Giúp người dung dễ dàng thống kê | Người dung: là người bán muốn kiểm tra, thống kê hóa đơn | Không có | Thống kê và xuất các hóa đơn theo bộ lọc (theo ngày, theo tuần, theo tháng, theo quý và theo năm) |
| 8 | Liên kết đơn vị vận chuyển | Liên kết vận chuyển đơn hàng với các đơn vị vận chuyển thứ 3 | Cho người dùng lựa chọn được đơn hàng vận chuyển đối với những đơn hàng online | Không có | Giúp người dùng có nhiều lựa chọn giao hàng | Người dùng là người mua muốn chon công ty vận chuyển. | Không thể can thiệp sâu vào quy trình giao hàng của bên thứ 3 và khách hàng | Khi người dùng lựa chọn đối tác vận chuyển thứ 3 hệ thống sẽ tự động thông báo bên vận chuyển thứ 3 để vận chuyển đơn hàng. |

# User flow and design

*Insert wireframes and mockups.*

# Analytics

*Hypothesis: We believe <this feature> will achieve <this outcome>*.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Key performance indicator | Baseline | Target | Timeframe |
| Thời gian người dùng làm quen với ứng dụng |  |  | 1-2 ngày |
| Tỷ lệ người dùng thích giao diện sản phẩm |  | 70% |  |
| Tỷ lệ người dùng sử dụng hầu hết tính năng của ứng dụng |  | 90% |  |
| Tỷ lệ tăng doanh thu khi sử dụng sản phẩm |  | 70% | 3 tháng |

# Future work

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Future features | Purpose | Priority | Timeframe |
| Tích hợp đa ngôn ngữ | Tăng khả năng tiếp cận khách hàng | High | 2 tháng |
| Thống kê giả cả thị trường cho sản phẩm | Tăng khả năng định giá mặt hàng | medium | 3 tháng |
| Cho phép người dùng tạo mẫu hóa đơn | Tăng độ cá nhân hóa cho người dùng | low | 1 tháng |